Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8441.90.00

Mã HS	8441.90.00
Mô tả hàng hóa	Các máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy hoặc bìa, kể cả máy cắt xén các loại / - Bộ phận
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 02:45:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84419000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13873
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13873
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13873
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13186
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13127
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13127
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13127
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13127
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13127
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13127
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13181
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13181
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13181

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13181
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13181
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13181
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13182
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13182
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13182
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13182
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13182
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13182
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13185
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13133
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13141
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13141
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13141
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13141
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13141
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13141
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13172
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13172
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13172
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13172
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13172
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13172
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13221
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13221
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13221

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13221
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13221
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13221
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13204
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13204
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13204
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13204
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13204
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13204
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13204
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13204
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13204
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13204
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13204
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13204
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13219
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13219
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13219
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13219
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13219
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13219
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13218
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13218
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13218
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13218
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13218

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13218
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13198
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13198
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13198
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13198
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13198
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13198
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13198
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13206
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13206
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13206
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13206
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13206
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13206
RCEP B	2022	2022	0	B!D13206
RCEP B	2023	2023	0	B!E13206
RCEP B	2024	2024	0	B!F13206
RCEP B	2025	2025	0	B!G13206
RCEP B	2026	2026	0	B!H13206
RCEP B	2027	2027	0	B!I13206
RCEP C	2022	2022	0	C!D13206
RCEP C	2023	2023	0	C!E13206
RCEP C	2024	2024	0	C!F13206
RCEP C	2025	2025	0	C!G13206
RCEP C	2026	2026	0	C!H13206
RCEP C	2027	2027	0	C!I13206

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13205
RCEP D	2023	2023	0	D!E13205
RCEP D	2024	2024	0	D!F13205
RCEP D	2025	2025	0	D!G13205
RCEP D	2026	2026	0	D!H13205
RCEP D	2027	2027	0	D!I13205
RCEP E	2022	2022	0	E!D13209
RCEP E	2023	2023	0	E!E13209
RCEP E	2024	2024	0	E!F13209
RCEP E	2025	2025	0	E!G13209
RCEP E	2026	2026	0	E!H13209
RCEP E	2027	2027	0	E!I13209
RCEP F	2022	2022	0	F!D13206
RCEP F	2023	2023	0	F!E13206
RCEP F	2024	2024	0	F!F13206
RCEP F	2025	2025	0	F!G13206
RCEP F	2026	2026	0	F!H13206
RCEP F	2027	2027	0	F!I13206
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12251
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12251
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12251
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12251

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8441.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8441.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8441.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8441.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13873), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.